

Bản án số: 82/2025/DS-ST

Ngày: 24 – 9 – 2025

*V/v tranh chấp về thừa kế tài sản và
yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền
sử dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Ba.

Bà Nguyễn Xuân Hoàng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng cũ) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2025/TLST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn Đ, sinh ngày 01/01/1960; địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã H, thành phố Cần Thơ), (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn O, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ). (Văn bản ủy quyền ngày 11/4/2025), (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Tấn N, sinh ngày 10/10/1956; địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

2. Ông Võ Văn T, sinh ngày 01/01/1960; địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã M, thành phố Cần Thơ), (có mặt).

3. Bà Võ Huỳnh Ê, sinh ngày 01/01/1967; địa chỉ: Khóm B, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường N, thành phố Cần Thơ), (có mặt).

4. Bà Võ Kim A, sinh ngày 16/6/1971; địa chỉ: Khóm B, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường N, thành phố Cần Thơ), (có mặt).

5. Ông Võ Văn U, sinh năm 1974 (đã chết ngày 07/5/2025).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông U:

5.1 Bà Đỗ Thị E, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

5.2 Ông Võ Minh S, sinh năm 2004; địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

5.3 Ông Võ Ngọc L, sinh năm 2008; địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Bà Đặng Thị Ǻ, sinh ngày 01/01/1952; địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Ông Võ Văn I, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Bà Võ Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Bà Võ Thị D, sinh năm 1978; địa chỉ: Khóm B, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường N, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Ông Võ Dũng Z, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

11. Bà Võ Hoàng Y, sinh năm 1985; địa chỉ: Khóm B, Phường M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường N, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

12. Bà Võ Thị Ngọc Ǻ, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường N, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

13. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng (đã chấm dứt hoạt động).

14. Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (đã chấm dứt hoạt động).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện T và thị xã N: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ; địa chỉ: Ấp L, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2025, nguyên đơn ông Võ Văn Đ trình bày:

Lúc sinh thời, cha mẹ ông là ông Võ Văn Ô (chết năm 2000) và bà Nguyễn Thị F (chết năm 2012), cha mẹ ông có 08 người con gồm: (1) ông Võ Văn O, (2)

ông Võ Văn J (chết năm 2010 - có vợ là bà Đặng Thị Ǻ và các con là ông Võ Văn I, bà Võ Thị H, bà Võ Thị D, ông Võ Dũng Z, bà Võ Hoàng Y, bà Võ Thị Ngọc Ǻ), (3) ông Võ Tấn N, (5) ông Võ Văn Đ, (6) bà Võ Huỳnh Ê, (7) bà Võ Văn A, (8) ông Võ Văn U.

Cha mẹ ông có phần đất thuộc thửa số 47, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.056m², tọa lạc Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ), đã được UBND huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho anh ruột ông tên Võ Văn O đứng tên.

Ngồn gốc phần đất tranh chấp diện tích khoảng 1.578,5m², trong thửa đất số 47, tờ bản đồ số 01 là do cha mẹ ông trực tiếp quản lý, sử dụng, là nơi chôn cất thân nhân trong dòng họ, đến năm 2000 cha ông chết thì cũng chôn trên phần đất nêu trên, vì liếp đất trong thửa đất đó quá thấp nên mẹ ông giao cho ông quản lý, sử dụng nhằm mục đích bồi đắp nâng cao nền mộ.

Đến năm 2010, anh em trong gia đình thống nhất hùn tiền nâng nền mộ lên tương đối cao ráo và tiến hành làm nhà mộ cho cha ông. Trong nền mộ thì mẹ ông đã trồng sẵn một số cây lâu năm như cây xà cừ, cây tai tượng... Đến năm 2011, mẹ ông chết cũng chôn kế mộ cha ông, ngoài ra còn có mộ của cô ruột ông, mộ anh ruột ông là ông Võ Văn J, mộ của chị dâu ông là vợ ông Võ Văn O (có tổng cộng 05 ngôi mộ và 02 nhà mồ). Ngoài diện tích đất nền mộ nêu trên, phần diện tích đất còn lại anh, em thống nhất để cho ông O toàn quyền quyết định, chuyển nhượng, tặng cho... dưới mọi hình thức, nhưng ông O không đồng ý.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Chia di sản thừa kế của cha mẹ ông chết để lại là thửa đất số 47, tờ bản đồ 01, diện tích khoảng 1.578,5m², tọa lạc Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay xã T, thành phố Cần Thơ), chia đều thành 08 kỷ phần bằng nhau cho các anh em ông.

+ Hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Võ Văn O ngày 19/4/2022 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ 01, diện tích khoảng 1.578,5m², tọa lạc Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay xã T, thành phố Cần Thơ).

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đ cho rằng: Cha mẹ ông tạo lập được một số đất ở, đất ruộng và đất vườn, nhưng đã chia cho các con còn để lại phần đất hơn 01 công tầm cây để làm đất hương hỏa, làm nơi chôn cất người thân là phần đất đang tranh chấp, không có chia cho ai kể cả ông O và giao cho ông quản lý từ năm 2000; nên ông O đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ là không đúng, khi ông O đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ anh em không ai hay biết. Nay ông đồng ý trừ phần đất mồ mả như ý kiến của ông O, phần còn lại thì yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, vì cha mẹ ông không có để lại di chúc và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ ông O đối với phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 1.436,2m², nhưng đồng ý trừ phần đất mồ mả của vợ ông O ra. Cây trồng trên đất tranh chấp là tự mọc rồi đến sử dụng, không có ai trồng, khi chia thừa kế cây trồng trên đất ai thì người đó sử dụng, không yêu cầu chia giá trị.

- *Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/5/2025, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Võ Thị Kim C trình bày:*

Bị đơn thống nhất và đồng ý tách một phần (hiền tặng cho nguyên đơn một phần) từ mí giáp mộ bà Nguyễn Thị R với mộ ông Võ Văn J trở ra phía sau giáp với nương nước đã chỉ đo đạc.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày tại Tờ tường trình ngày 15/4/2025 như sau: Ông O có phần đất thừa kế của cha mẹ cho là ông Võ Văn Ô (chết năm 2000) và bà Nguyễn Thị F (chết năm 2012). Năm 2002, ông O đăng ký và được UBND huyện Thanh Trì cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 19/4/2002, thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 01.

Nay ông Đ yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông O thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.578,5m² để chia thừa kế thành 08 kỷ phần cho 08 anh, em của ông Đ bà không đồng ý, vì trước khi chết thì ông bà nội bà đã chia đều phần đất cho 08 người con, ai cũng có phần riêng, trong đó có cha bà là ông O.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Kim C cho rằng: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông bà nội cho cha bà lúc còn sống, không có làm giấy tờ nhưng cha bà đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 2002. Bà đồng ý tách phần đất mồ mã của ông bà nội và của mấy chú trả cho ông Đ. Cây trồng trên đất tranh chấp là tự mọc rồi cha bà đốn sử dụng, không có ai trồng, bà không đồng ý chia thừa kế và cũng không yêu cầu chia giá trị cây trồng, ai được giao đất thì người đó sử dụng cây trồng trên đất.

- *Tại Công văn số 238/UBND-KT ngày 18/8/2025, của UBND xã Tân Long xác định:*

Việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Võ Văn O ngày 19/4/2002 tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.056m², tọa lạc ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là đúng trình tự, thủ tục tại thời điểm cấp giấy chứng nhận.

Khi cấp giấy chứng nhận cho hộ ông O không có đo đạc thực tế, cấp theo bản đồ giải thửa được kiểm tra nghiệm thu tháng 01/1995.

- *Tại Tờ tường trình ngày 11/8/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị A, ông Võ Văn T, ông Võ Huỳnh Ê và bà Võ Kim A trình bày:*

Lúc sinh thời cha mẹ ông, bà là ông Võ Văn Ô (chết năm 2000) và bà Nguyễn Thị F (chết năm 2012) có thửa đất số 47, tờ bản đồ số 01, diện tích khoảng 1.578,5m², tọa lạc Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ).

Vào năm 2000, ông Ô và bà F có giao miếng đất nêu trên cho ông Võ Văn Đ trực tiếp quản lý, sử dụng và bồi đắp nâng cao nền mộ và trồng một số cây như: Xà cừ, Tai tượng,...

Tại phiên tòa, ông T, bà Ê và bà Kim A xác định: Đất tranh chấp là do cha mẹ ông, bà để làm đất hương hỏa, làm nơi chôn cất người thân và giao cho ông

Đ quản lý từ năm 2000, không có cho ông O phần đất này, ông O cũng không có sử dụng phần đất này mà do ông Đ sử dụng; nên ông O đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ là không đúng, khi ông O đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ anh em không ai hay biết. Ông, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, phần của ông, bà thì đồng ý nhường lại cho ông Đ và cũng không yêu cầu chia giá trị cây trồng trên đất, vì cây trồng sau này là tự mọc.

- Tại Tờ tường trình ngày 21/7/2025 và Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Võ Văn U là bà Đỗ Thị E trình bày:

Bà là vợ của ông Võ Văn U (chết ngày 07/5/2025), bà và ông U có 02 người con gồm: Ông Võ Minh S, sinh năm 2004 và ông Võ Ngọc L, sinh năm 2008).

Do hoàn cảnh khó khăn, nên bà yêu cầu xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, bà cam đoan không thắc mắc hay khiếu nại gì về sau.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, người tham gia tố tụng, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện ông Đ yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ ông chết để lại là thửa đất số 47, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.578,5m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện Thạnh Trị cấp cho hộ ông O đối với thửa đất này. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) – gọi tắt là Bộ luật TTDS. Ngoài ra, nguyên đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ ông O; nên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 34, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật TTDS và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đồng thời, đất tranh chấp đã được hòa giải ở cơ sở theo quy định tại Điều 202 và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 (tương ứng với Điều 235, Điều 236 của Luật Đất đai năm 2024).

[2] Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn ông Võ Văn O vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan ông Võ Tấn N vắng mặt không rõ lý do; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông U (bà Đỗ Thị E, ông Võ Minh S, ông Võ Ngọc L), bà Đặng Thị A, ông Võ Văn I, bà Võ Thị H, bà Võ Thị D, ông Võ Dũng Z, bà Võ Hoàng Y, bà Võ Thị Ngọc A và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng UBND huyện Thạnh Trị và thị xã Ngã Năm (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ) đều vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt). Việc vắng mặt những người vừa nêu trên không gây cản trở cho việc xét xử, nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/5/2025 (BL số 67 - 70) và Chứng thư thẩm định giá ngày 05/6/2025 (BL số 50 - 60) thể hiện: Phần đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 47, tờ bản đồ số 01, theo đo đạc thực tế có diện tích 1.436,2m², có tổng giá trị đất là **885.910.000 đồng**. Công trình xây dựng trên đất: Nhà mô số 1, diện tích 35,2m² (do mẹ của ông Đ và ông O xây dựng) và nhà mô số 2, diện tích 20,8m² (do ông O xây dựng), có tổng giá trị còn lại là **38.248.960 đồng**. Cây trồng trên đất: Tràm bông vàng loại A 02 cây, loại B 11 cây và loại C 15 cây, có tổng giá trị là **45.000.000 đồng**.

[4] Theo giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ số 01 cấp cho hộ ông O ngày 19/4/2002. Tuy nhiên, tại Đơn xin đăng ký QSDĐ ngày 16/12/2001 thể hiện: Họ tên chủ hộ gia đình (cá nhân) ông Võ Văn O, không thể hiện thành viên hộ gia đình là bao nhiêu người, gồm những ai, cũng không có tài liệu nào thể hiện thành viên hộ gia đình của ông O và phần đất trên không phải do Nhà nước cấp, nên HĐXX xác định giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho hộ ông O không phải là cấp cho thành viên hộ gia đình.

[5] Các đương sự thống nhất và đồng ý tách phần đất mô mả tại vị trí nhà mô 1 cho ông Đ quản lý, có diện tích 370m² và phần đất mô mả tại vị trí nhà mô 2 cho ông O quản lý, có diện tích 25,2m², diện tích đất còn lại có tranh chấp chia thừa kế diện tích 1.041m² và diện tích yêu cầu hủy giấy chứng nhận là 1.411m².

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế của cha mẹ ông chết để lại là thửa đất số 47, tờ bản đồ 01, diện tích khoảng 1.041m², tọa lạc Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay xã T, thành phố Cần Thơ), chia đều thành 08 kỷ phần bằng nhau cho các anh em ông. Xét thấy, theo đơn khởi kiện ông Đ cho rằng: Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích khoảng 1.578,5m², trong thửa đất số 47, tờ bản đồ số 01 là do cha mẹ ông trực tiếp quản lý, sử dụng, là nơi chôn cất thân nhân trong dòng họ, đến năm 2000 cha ông chết thì cũng chôn trên phần đất nêu trên, vì liếp đất trong thửa đất đó quá thấp nên mẹ ông giao cho ông quản lý, sử dụng nhằm mục đích bồi đắp nâng cao nền mộ. Đến năm 2010, anh em trong gia đình thống nhất hùn tiền nâng nền mộ lên tương đối cao ráo và tiến hành làm nhà mô cho cha ông. Trong nền mộ thì mẹ ông đã trồng sẵn một số cây lâu năm như cây xà cừ, cây tai tượng... Đến năm 2011, mẹ ông chết cũng chôn kế mộ cha ông và còn có mộ của cô ruột ông, mộ anh ruột ông là ông Võ Văn J, mộ của chị dâu ông là vợ ông Võ Văn O (có tổng cộng 05 ngôi mộ và 02 nhà mô). Ngoài diện tích đất nền mộ nêu trên, phần diện tích đất còn lại anh, em thống nhất để cho ông O toàn quyền quyết định, chuyển nhượng, tặng cho... dưới mọi hình thức, nhưng ông O không đồng ý. Còn theo ông O thì

cho rằng: Ông có phần đất thừa kế của cha mẹ cho là ông Võ Văn Ô (chết năm 2000) và bà Nguyễn Thị F (chết năm 2012). Năm 2002, ông O đăng ký và được UBND huyện Thanh Trì cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 19/4/2002, thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 01. Ông O thống nhất và đồng ý tách một phần (hiến tặng cho nguyên đơn một phần) từ mớ giáp mộ bà Nguyễn Thị R với mộ ông Võ Văn J trở ra phía sau giáp với ruộng nước đã chỉ đo đạc. Theo bà Đặng Thị Á, ông Võ Văn T, ông Võ Huỳnh Ê và bà Võ Kim A xác định: Phần đất tranh chấp cha mẹ là ông Ô và bà F không có cho ông Võ Văn O mà để làm đất hương hỏa, làm nơi chôn cất mồ mả người thân và vào năm 2000, cha mẹ có giao miếng đất nêu trên cho ông Võ Văn Đ trực tiếp quản lý, sử dụng và bồi đắp nâng cao nền mộ và trồng một số cây như: Xà cừ, Tai tượng,... Tuy ông O đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 2002, nhưng ông O không có giấy tờ chứng minh là được ông Ô và bà F tặng cho đất, nên ông O đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ bao gồm luôn phần đất tranh chấp là không đúng. Vì vậy, phần đất tranh chấp là di sản thừa kế của ông Ô và bà F chết để lại được quy định tại Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ông Ô và bà F chết không để lại di chúc. Do đó, yêu cầu khởi kiện này của ông Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 649, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên được HĐXX chấp nhận. Hàng thừa kế theo pháp luật của ông Ô và bà F có 08 người gồm: (1) ông O, (2) ông N, (3) ông T, (4) ông Đ, (5) bà Ê, (6) bà Kim A, (7) ông J (chết năm 2010, vợ là bà Á và các con gồm ông I, bà H, bà D, ông Z, bà Y và bà Á), (8) ông U (chết năm 2025, vợ là bà E và các con gồm ông S, ông L). Do đó, HĐXX chia phần đất có diện tích 1.041m^2 làm 08 phần bằng nhau, mỗi phần $130,125\text{m}^2 \times 550.000 \text{ đồng/m}^2 = 71.568.750 \text{ đồng}$. Do ông T, bà Ê và bà A nhường kỹ phần của mình cho ông Đ, nên ông Đ được 04 kỹ phần. HĐXX giao toàn bộ phần đất có diện tích 1.041m^2 cho ông Đ và ông Đ có nghĩa vụ trả giá trị kỹ phần thừa kế cho ông O, ông N, ông J (được chuyển tiếp cho vợ và con), ông U (được chuyển tiếp cho vợ và con), mỗi người số tiền 71.568.750 đồng. Còn cây trồng trên đất hiện nay là do tự mọc, các đương sự đồng ý giao đất cho ai thì người đó sử dụng, nên ông Đ tiếp tục được quản lý, sử dụng cây trồng trên đất.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Võ Văn O ngày 19/4/2002 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ 01, diện tích khoảng 1.411m^2 , tọa lạc Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay xã T, thành phố Cần Thơ). Xét thấy, mặc dù UBND xã Tân Long đã xác định việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông O là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông O không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh được cha mẹ cho phần đất tranh chấp nêu trên, nên việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông O là không đúng chủ thể quản lý, sử dụng đất được quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Đất đai năm 1993 (tương ứng các Điều 100, Điều 101 của luật Đất đai năm 2013). Mặt khác, như nhận định tại mục [5] nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế tài sản của ông Đ, nên yêu cầu khởi kiện này của ông Đ là có căn cứ. HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông Đ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Đ được chấp nhận, nên ông O, ông N, ông J (được chuyển tiếp cho vợ và con), ông U (được chuyển tiếp cho vợ và con) mỗi người được chia thừa kế phải chịu án phí có giá ngạch số tiền 3.578.437 đồng; riêng ông Đ nhận 04 kỷ phần nên phải chịu án phí số tiền 14.313.750 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật TTDS và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24 của Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, ông O sinh năm 1949, ông N sinh năm 1956, ông Đ sinh năm 1960 và bà A sinh năm 1952 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do ông Đ được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét việc hoàn trả lại.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí số tiền 30.990.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Đ được chấp nhận, nên ông O, ông N, ông J (được chuyển tiếp cho vợ và con), ông U (được chuyển tiếp cho vợ và con) mỗi người được chia thừa kế phải chịu số tiền 3.873.750 đồng; riêng ông Đ nhận 04 kỷ phần nên phải chịu số tiền 15.495.000 đồng. Do ông Đ nộp tạm ứng trước toàn bộ, nên ông O, ông N, ông J (được chuyển tiếp cho vợ và con), ông U (được chuyển tiếp cho vợ và con) mỗi người có nghĩa vụ nộp số tiền 3.873.750 đồng để trả lại cho ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166 của Bộ luật TTDS.

[10] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1, 4 Điều 34, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ Điều 612 và các Điều 649, 650, 651, 652 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ tại khoản 5, 8 Điều 26, Điều 235, Điều 236 của Luật Đất đai năm 2024; căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn Đ và ghi nhận ý kiến tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

1.1 Giao cho ông Võ Văn Đ phần đất mô tả của cha mẹ, anh em ông Võ Văn Đ có diện tích 370m². Chia và giao cho ông Võ Văn Đ phần đất có diện tích 1.041m², hai phần đất này có tổng diện tích 1.411m², thuộc thửa đất số 47, tờ bản

đồ số 01, tọa lạc tại Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ). Tất cả cây trồng trên đất giao cho ông Võ Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng. Phần đất có số đo tứ cận như sau: Hướng Đông giáp với Huyện lộ 71 – Nhựt, có số đo 15,27m. Hướng Tây giáp với Kênh thủy lợi, có số đo 17,08m. Hướng Nam giáp với ông Võ Văn Đ, có số đo 49,50m + 24,49m. Hướng Bắc giáp với ông Võ Văn O và Nhà mồ số 2, có số đo 50,95m + 3,57m + 24,49m.

(Đính kèm *Mảnh Trích đo địa chính số 03-2025*, ngày 19/5/2025 - BL số 76).

1.2. Về trả giá trị kỷ phần thừa kế:

- Buộc ông Võ Văn Đ có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Võ Văn O số tiền 71.568.750 đồng (Bảy mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Buộc ông Võ Văn Đ có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Võ Tấn N số tiền 71.568.750 đồng (Bảy mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Buộc ông Võ Văn Đ có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Võ Văn J (được chuyển tiếp cho vợ là bà Đặng Thị A và các con gồm ông Võ Văn I, bà Võ Thị H, bà Võ Thị D, ông Võ Dũng Z, bà Võ Hoàng Y và bà Võ Thị Ngọc A) số tiền 71.568.750 đồng (Bảy mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Buộc ông Võ Văn Đ có nghĩa vụ trả giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Võ Văn U (được chuyển tiếp cho vợ là bà Đỗ Thị E và các con gồm ông Võ Minh S và ông Võ Ngọc L) số tiền 71.568.750 đồng (Bảy mươi một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

1.3. Hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ do UBND huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Võ Văn O ngày 19/4/2002 đối với thửa đất số 47, tờ bản đồ 01, diện tích khoảng 1.411m², tọa lạc Ấp C, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay xã T, thành phố Cần Thơ).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Văn Đ, ông Võ Văn O, ông Võ Tấn N và bà Đặng Thị A được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Văn I, bà Võ Thị H, bà Võ Thị D, ông Võ Dũng Z, bà Võ Hoàng Y và bà Võ Thị Ngọc A cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.067.231 đồng (Ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi một đồng).

- Bà Đỗ Thị E, ông Võ Minh S và ông Võ Ngọc L cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.578.437 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí số tiền là 30.990.000 đồng (Ba mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng); ông Võ Văn Đ phải chịu số tiền 15.495.000 đồng; ông Võ Văn O, ông Võ Tấn N, ông Võ Văn J (được chuyển tiếp cho vợ và con), ông Võ Văn U (được chuyển tiếp cho vợ và con) mỗi người phải chịu số tiền 3.873.750 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Do ông Võ Văn Đ nộp tạm ứng trước toàn bộ, nên:

- Ông Võ Văn O, ông Võ Tấn N mỗi người có nghĩa vụ nộp số tiền 3.873.750 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) để trả lại cho ông Võ Văn Đ.

- Bà Đặng Thị Ǻ và các con gồm ông Võ Văn I, bà bà Võ Thị H, bà Võ Thị D, ông Võ Dũng Z, bà Võ Hoàng Y và bà Võ Thị Ngọc Ǻ cùng có nghĩa vụ nộp số tiền 3.873.750 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) để trả lại cho ông Võ Văn Đ.

- Bà Đỗ Thị E và các con gồm ông Võ Minh S và ông Võ Ngọc L cùng có nghĩa vụ nộp số tiền 3.873.750 đồng (Ba triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) để trả lại cho ông Võ Văn Đ.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Phòng KTNV và THA TAND TP;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn